

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2026

*“V/V Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nghi

2. Bà Phạm Thị Phương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Ninh Bình tham gia phiên tòa:
bà Đặng Thị Doan - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4
– Ninh Bình

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Vũ Duy K, sinh ngày 20/02/1987;

CCCD số: 0370870010xx cấp ngày 25/8/2022 của Cục C về TTXH, Bộ C1;
ĐKHKT: xóm N, xã P, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn V, xã P, tỉnh Ninh Bình);

Hiện sinh sống tại: Petristrasse 22a C Bielefeld G

- Bị đơn: chị Lưu Thị H, sinh năm 24/6/1991;

CCCD số: 0371910006xx cấp ngày 28/6/2021 của Cục C về TTXH, Bộ C1;

Địa chỉ: xóm N, xã P, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn V, xã P, tỉnh Ninh Bình)

Tại phiên vắng mặt anh K, vắng mặt chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2026, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Duy K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Lưu Thị H đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND xã P). Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không

có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng khi mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với chị Lưu Thị H

Về con chung: anh và chị Lưu Thị H có 2 con chung là Vũ Phương H1, sinh ngày 12/11/2015 và Vũ Minh Q sinh ngày 21/11/2017, các cháu đều đang do chị H nuôi dưỡng, do anh đang sinh sống ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc các cháu nên khi ly hôn, anh đề nghị giao cả 2 cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh và chị H tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về con riêng: anh và chị Lưu Thị H không có con riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về tài sản, công nợ: anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 17/7/2026 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lưu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Vũ Duy K đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND xã P, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống và phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, lối sống, không tìm được tiếng nói chung, một phần do anh K thường xuyên phải đi làm ăn xa. Nay anh K yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý vì chị xác định vợ chồng đã sống xa nhau một thời gian dài, tình cảm không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị và anh K ly hôn để chị ổn định cuộc sống

Về con chung: chị và anh Vũ Duy K có 2 con chung là Vũ Phương H1, sinh ngày 12/11/2015 và Vũ Minh Q sinh ngày 21/11/2017 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị

Về con riêng: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và nợ riêng: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 07/8/2026 của Tòa án đối với cháu Vũ Phương H1 và Vũ Minh Q thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Lưu Thị H

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 4 – Ninh Bình:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 40, Điều 144; khoản 4 Điều 147;

khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 469; các điều 474; 476; 477; 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật H2 giải đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐ TP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Đề nghị tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Duy K1 yêu cầu ly hôn với chị Lưu Thị Huệ .

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Duy K ly hôn với chị Lưu Thị H
- Về con chung: anh Vũ Duy K và chị Lưu Thị H có 2 con chung là Vũ Phương H1, sinh ngày 12/11/2015 và Vũ Minh Q sinh ngày 21/11/2017. Giao cháu Vũ Phương H1 và cháu Vũ Minh Q cho chị Lưu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi
- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Vũ Duy K không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Về án phí: Anh Vũ Duy K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: anh Vũ Duy K khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Lưu Thị H, cư trú xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại Điều 28 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đều đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Duy K và chị Lưu Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND xã P, tỉnh Ninh Bình) là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn không giải quyết được nên hai bên đã sống ly thân.

Anh K và chị H cùng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm đồng, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn càng tăng hơn khi anh K đi làm ăn ở nước ngoài,

không ai quan tâm đến ai. Anh K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, chị H cùng đồng ý, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh K và chị H tại UBND xã P là nơi anh chị cư trú; tại biên bản xác minh ngày 07/8/2026, chính quyền địa phương xác nhận anh K và chị Đ có đăng ký kết hôn hợp pháp và về chung sống. Về mâu thuẫn trong quá trình chung sống, địa phương không nắm được do anh chị không có yêu cầu hòa giải tại UBND. Về con chung: anh K và chị H có 2 con chung là cháu Vũ Phương H1, sinh ngày 12/11/2015 và Vũ Minh Q sinh ngày 21/11/2017. Do các con chung còn nhỏ nên đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi cho các cháu khi giải quyết ly hôn giữa anh K và chị H. Anh K và chị H đều là lao động tự do, không kê khai thu nhập nên địa phương không nắm được mức thu nhập của từng người

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh K, chị H hiện nay đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không có tình nghĩa vợ chồng, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Duy K xin ly hôn với chị Lưu Thị H là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung, con riêng:

[3.1] Về con chung

Anh Vũ Duy K và chị Lưu Thị H đều xác nhận vợ chồng chỉ có 2 con chung là Vũ Phương H1, sinh ngày 12/11/2015 và Vũ Minh Q sinh ngày 21/11/2017. Khi ly hôn, anh K nhường quyền nuôi cả 2 con cho chị H, anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Về phía chị H chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 2 con và không yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị

Con chung của vợ chồng anh chị là cháu Vũ Phương H1, sinh ngày 12/11/2015 và Vũ Minh Q sinh ngày 21/11/2017, khi được hỏi ý kiến cũng có nguyện vọng được ở với chị H khi bố mẹ ly hôn.

Thực tế từ khi anh K và chị H sống ly thân cho đến nay cháu Vũ Phương H1 và Vũ Minh Q được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H cũng đã được giải thích về việc cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng chị H xác định với công việc và mức thu nhập trung bình mỗi tháng 10.000.000đ của chị thì chị đủ điều kiện các cháu được học tập, sinh hoạt, vui chơi và phát triển bình thường của các cháu, chị H tự nguyện không yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Để đảm bảo cho việc ổn định học tập, phát triển bình thường của cháu P, cháu Q và tôn trọng nguyện vọng của các cháu thì việc giao cháu P và cháu Q cho

chị Lưu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu anh Vũ Duy K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[3.2] Về con riêng:

Anh Vũ Duy K1 và chị Lưu Thị H đều không có con riêng, không yêu cầu xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét

[4] Về tài sản chung:

Anh Vũ Duy K1 và chị Lưu Thị H đều không yêu cầu xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: anh Vũ Duy K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 40, Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 469; các điều 474; 476; 477; 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐ TP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Duy K ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Lưu Thị H

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Duy K ly hôn với chị Lưu Thị H

- Về con chung: anh Vũ Duy K và chị Lưu Thị H có 2 con chung là Vũ Phương H1, sinh ngày 12/11/2015 và Vũ Minh Q sinh ngày 21/11/2017. Giao cháu Vũ Phương H1 và cháu Vũ Minh Q cho chị Lưu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Vũ Duy K có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lưu Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Vũ Duy K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

2. Về án phí: Anh Vũ Duy K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000180 ngày 13/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình

Án xử sơ thẩm công khai, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Bích Hồng